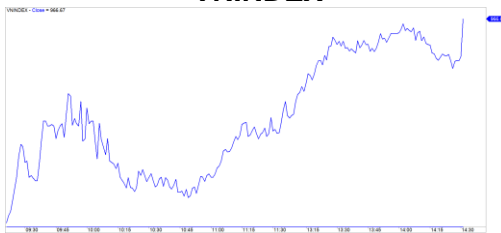


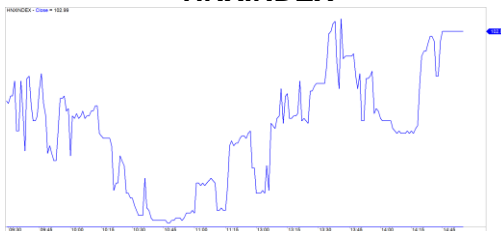
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	966.67	102.99	56.65
% ngày	0.59%	0.47%	0.16%
% tuần	0.84%	0.65%	1.78%
% tháng	0.77%	2.07%	2.04%
% năm	8.40%	0.31%	7.31%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,445	254	160
TB 1 tuần	3,102	449	284
TB 1 tháng	4,389	382	239
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	163.56	1.43	13.11
Bán	195.02	1.52	12.54
Giá trị ròng	-31.46	-0.09	0.57
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	190	68	192
Mã Giảm	137	68	95
Không Đổi	63	235	616
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.70	9.06	17.02
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,288	193	936
LS Cổ tức	2.34%	4.47%	4.15%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch đầu tiên của năm 2020 diễn ra khá tích cực ở tất cả chỉ số. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 0.59% dừng tại 966.67 điểm. Chỉ số HNX-Index đồng thuận tăng 0.46% neo tại 102.99 điểm trong khi Upcom-Index cũng tăng nhẹ 0.17% chốt tại 56.65 điểm. Giá trị giao dịch đạt khoản 2,540 tỷ đồng khớp lệnh trên cả 3 sàn.

Chỉ số VN30-Index có mức tăng ấn tượng 0.89% với 23 mã tăng và chỉ 5 mã giảm. Nhóm Ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt đà tăng tiêu biểu CTG(+2.9%), VPB(+2.8%) tăng khá mạnh trong khi BID(+1.6%), MBB(+1.9%), TCB(+1.1%), STB(+1.5%) cũng giao dịch tích cực. Nhóm Vật liệu Xây dựng cũng là điểm sáng nhờ HPG(+2.1%), HSG(+4.9%), NKG(+7%) với thanh khoản tích cực phản ánh sự tham gia của dòng tiền.

HBC ghi nhận phiên giao dịch sôi động hơn 4,3 triệu cổ phiếu và giá được đẩy kịch trần dừng tại 11,400 đồng/cp mức cao nhất trong vòng 17 phiên trở lại đây.

Khối ngoại tiếp tục có phiên bán ròng nhưng chỉ gần 31 tỷ đồng. HDB(40.2 tỷ), VIC(14.9 tỷ) dẫn đầu chiều bán ròng. Ở chiều ngược lại, VRE(13.8 tỷ), E1VFN30(7.5 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua ròng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà hồi phục và chỉ số VN-Index sẽ kiểm định mức kháng cự gần nhất 967 điểm. Điểm tích cực chỉ số VN30 có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy dòng tiền có xu hướng dịch chuyển vào nhóm cổ phiếu Largecaps. Tuy nhiên, thị trường chung vẫn đang trong giai đoạn tích lũy cho nên dòng tiền sẽ phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh và có chiều hướng tích cực cho thấy cơ hội giải ngân mới có chiều hướng gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 967 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN30 từ GIẢM lên TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và nên chú ý vào nhóm cổ phiếu Largecaps.

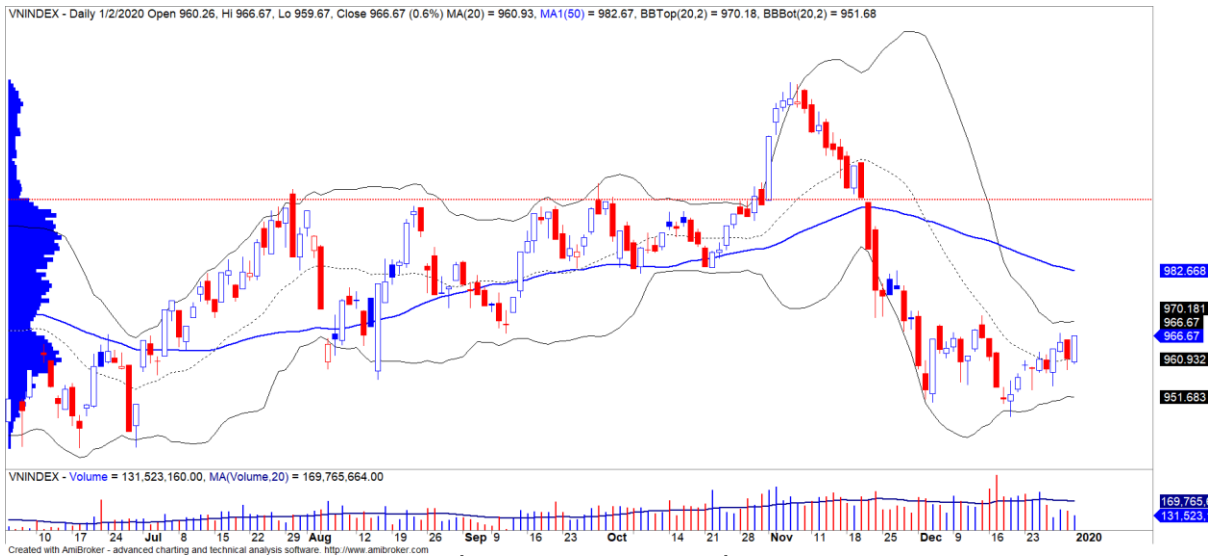
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

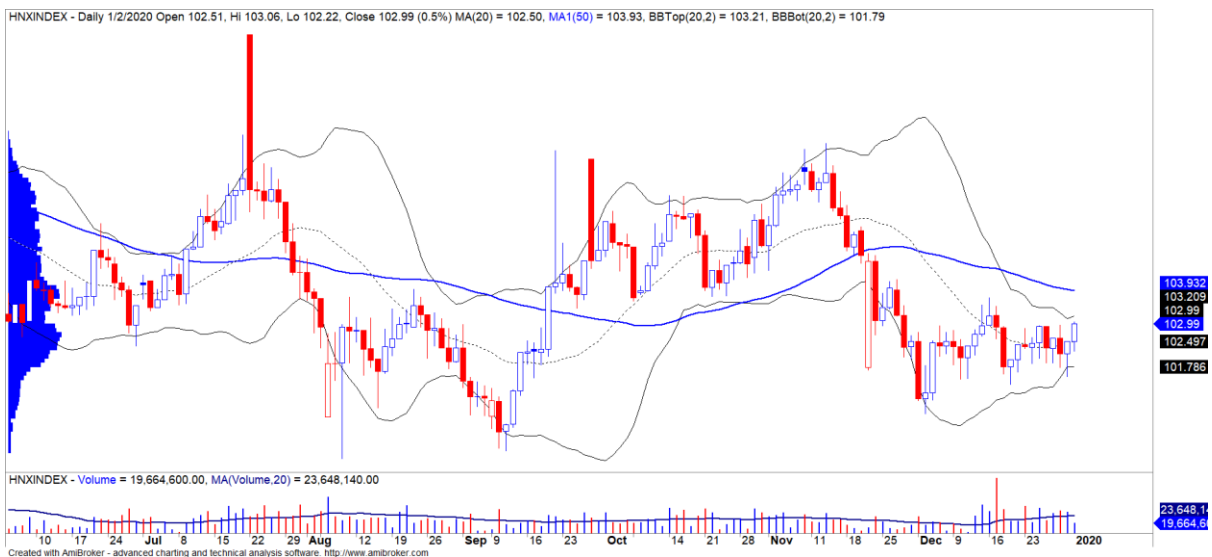


We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.75	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-4.17%	
ACV	74.00	GIẢM	GIẢM	74.00	74.78	1.06%	BÁN		78.74		
ANV	22.90	TĂNG	GIẢM	22.80	21.63	0.44%			25.57		
ASM	6.68	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BFC	11.60	GIẢM	GIẢM		12.17				13.64		
BID	46.90	TĂNG	TĂNG	41.90	44.37	11.93%		33.40	38.49	40.42%	
BMP	45.15	GIẢM	GIẢM		47.58			48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BSR	8.20	GIẢM	GIẢM		8.65				9.89		
BVH	69.00	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
BWE	22.95	GIẢM	GIẢM		23.74				25.84		
CEO	9.40	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	1.08%			9.80		
CII	22.60	GIẢM	TĂNG		23.01			24.45	22.23	-7.57%	BÁN
CMG	35.90	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	54.74%	
CMX	14.40	GIẢM	GIẢM		16.02				20.03		
CSM	13.80	GIẢM	GIẢM		14.03				14.97		
CTD	52.80	GIẢM	GIẢM		55.92				71.84		
CTG	21.50	TĂNG	GIẢM	20.60	20.31	4.37%			21.78		
CTR	40.00	GIẢM	N/A		43.08			-	N/A		
CVT	20.85	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DCM	6.51	GIẢM	GIẢM		6.70				7.15		
DGC	24.70	GIẢM	GIẢM		25.89			28.61	24.95	-12.80%	BÁN
DGW	23.20	TĂNG	GIẢM	23.25	21.60	-0.22%			25.77		
DHA	31.95	TĂNG	GIẢM	31.85	28.74	0.31%			32.52		
DHC	37.90	GIẢM	TĂNG		39.65			37.70	36.02	0.53%	
DHG	92.00	GIẢM	GIẢM		93.96				99.56		
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-1.43%			14.69		
DPG	40.70	GIẢM	GIẢM		43.55				49.82		
DPM	12.95	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DPR	38.65	GIẢM	TĂNG		39.66			41.30	35.60	-6.42%	
DQC	16.20	TĂNG	GIẢM	16.20	16.17	0.00%	MUA		17.50		
DRC	24.10	TĂNG	TĂNG	24.10	23.57	0.00%	MUA	21.60	21.25	11.57%	
DXG	14.30	TĂNG	GIẢM	14.60	13.88	-2.05%			16.12		
EIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.80	16.19	-0.56%		18.40	16.46	-3.80%	
FCN	10.10	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		

We Create Fortune

FMC	26.60	TĂNG	TĂNG	27.45	26.11	-3.10%		31.60	26.18	-15.82%	
FPT	58.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.36	2.81%		46.00	54.99	27.39%	
GAS	94.60	GIẢM	GIẢM		98.36				105.96		
GEX	19.30	GIẢM	GIẢM		20.08				21.00		
GIL	17.05	GIẢM	GIẢM		17.71				20.39		
GMD	23.20	GIẢM	GIẢM	23.60	23.27	-1.41%	BÁN		25.29		
GTN	19.40	GIẢM	GIẢM		20.24			15.00	19.49	29.94%	BÁN
GVR	11.30	GIẢM	N/A		11.38				N/A		
HAG	4.05	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	4.92%			4.22		
HAX	16.60	GIẢM	GIẢM		17.27				20.93		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	6.54%			12.34		
HCM	21.50	GIẢM	GIẢM		21.89				24.43		
HDB	27.80	TĂNG	GIẢM	27.55	26.12	0.91%			29.49		
HDC	24.50	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	6.06%		15.25	20.25	60.66%	
HDG	30.00	GIẢM	GIẢM		31.13				34.59		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.82		
HPG	24.00	TĂNG	TĂNG	24.00	23.87	0.00%	MUA	23.85	22.11	0.63%	
HSG	8.19	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	5.68%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-12.43%	
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.57				2.71		
HVN	34.30	GIẢM	GIẢM		34.73				36.93		
KBC	15.20	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	-0.33%		15.35	14.00	-0.98%	
KDH	26.50	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	10.42%	
KSB	16.85	GIẢM	GIẢM		18.25				19.42		
LCG	8.15	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-4.57%			8.76		
LDG	8.85	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LHG	16.45	TĂNG	GIẢM	16.45	15.65	0.00%	MUA		16.89		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%			8.05		
MBB	21.20	GIẢM	GIẢM		21.54				23.04		
MPC	22.70	TĂNG	GIẢM	20.10	19.98	12.94%			23.55		
MSN	57.00	GIẢM	GIẢM		57.22				64.60		
MSR	15.20	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	5.56%			16.05		
MWG	117.00	TĂNG	GIẢM	113.40	110.74	3.17%			122.49		
NDN	17.80	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	2.30%		13.70	16.27	29.93%	
NKG	7.38	TĂNG	TĂNG	7.38	7.04	0.00%	MUA	7.11	6.07	3.80%	
NLG	27.50	TĂNG	TĂNG	27.35	26.78	0.55%		28.70	26.30	-4.18%	
NT2	21.75	GIẢM	GIẢM		22.11				23.68		
NTL	23.75	TĂNG	GIẢM	24.40	22.85	-2.66%		24.20	23.88	-1.33%	MUA
NVL	57.50	TĂNG	GIẢM	57.90	56.33	-0.69%			60.29		

We Create Fortune

OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.75			10.36		
PAC	25.00	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-3.10%		27.71		
PC1	17.85	GIẢM	GIẢM		18.12			19.87		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.45	25.32	-1.32%	29.00	25.19	-10.00%	
PHR	38.75	GIẢM	GIẢM		42.14			55.36		
PLX	56.50	GIẢM	GIẢM		57.05			60.01		
PNJ	87.40	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	3.19%	77.07	78.71	13.40%	
POW	11.90	GIẢM	GIẢM		12.03			13.71		
PVT	16.70	GIẢM	TĂNG		16.94		18.30	16.28	-8.74%	
PPC	26.85	TĂNG	TĂNG	26.81	26.31	0.15%	28.40	24.39	-5.46%	
PTB	71.00	GIẢM	TĂNG		72.20		64.00	68.51	10.94%	
PVB	18.30	GIẢM	GIẢM		18.85			20.71		
PVD	15.05	GIẢM	GIẢM		15.20			16.61		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.56			33.64		
PVS	17.60	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.12%		19.30		
PXS	5.64	TĂNG	TĂNG	5.78	5.31	-2.42%	6.20	4.88	-9.03%	
QNS	27.00	GIẢM	GIẢM		28.39		33.80	28.38	-16.04%	
REE	36.95	TĂNG	TĂNG	36.95	36.82	0.00%	MUA	33.33	35.23	10.88%
SAB	224.00	GIẢM	GIẢM		234.22			255.31		
SAM	8.20	TĂNG	TĂNG	8.15	7.98	0.61%	7.40	7.58	10.81%	
SCR	5.92	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	-0.17%	6.33	5.21	-6.48%	
SHI	8.75	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	25.18%	
SJS	16.60	TĂNG	GIẢM	17.00	15.99	-2.35%	17.00	16.88	-0.71%	MUA
SKG	13.10	TĂNG	TĂNG	11.60	12.12	12.93%	12.30	11.70	6.50%	MUA
SSI	18.40	GIẢM	GIẢM		18.75			20.66		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.28			10.80		
TCB	23.80	TĂNG	GIẢM	23.45	22.86	1.49%		24.80		
TCM	19.20	GIẢM	GIẢM		19.64			22.18		
TDH	10.10	GIẢM	GIẢM		10.16			11.11		
TLH	4.46	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	9.85%	4.48	3.63	-0.45%	
TNG	15.00	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	-0.66%		16.69		
VCB	90.80	TĂNG	TĂNG	87.50	87.37	3.77%	62.00	84.02	46.45%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	26.40	-1.85%	19.20	25.47	38.02%	
VCS	71.50	GIẢM	GIẢM		74.17			91.56		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%		19.34		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM	8.90	7.93	-3.37%		8.95		
VHC	38.90	GIẢM	GIẢM		40.07			83.84		
VHM	84.90	GIẢM	GIẢM		86.95			94.97		
VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	1.15%	17.70	16.56	-0.56%	

We Create Fortune

VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		117.16			112.00	113.76	2.68%	
VIP	4.96	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	148.00	TĂNG	TĂNG	144.40	143.49	2.49%		124.50	138.01	18.88%	
VND	14.45	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.48%			14.88		
VNG	19.95	TĂNG	GIẢM	20.00	18.92	-0.25%			21.64		
VNM	117.90	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	20.55	TĂNG	GIẢM	20.00	19.26	2.75%			21.30		
VPI	42.20	TĂNG	TĂNG	42.45	41.09	-0.59%		41.30	39.68	2.18%	
VRC	15.60	GIẢM	GIẢM		18.68			17.30	21.51	24.32%	BÁN
VRE	34.35	TĂNG	TĂNG	34.50	32.73	-0.43%		35.05	32.08	-2.00%	
VSC	27.40	TĂNG	TĂNG	25.45	26.16	7.66%		27.00	26.67	1.48%	MUA

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-4.17%	
BID	46.90	TĂNG	TĂNG	41.90	44.37	11.93%		33.40	38.49	40.42%	
BSR	8.20	GIẢM	GIẢM		8.65				9.89		
BVH	69.00	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
CTG	21.50	TĂNG	GIẢM	20.60	20.31	4.37%			21.78		
FPT	58.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.36	2.81%		40.23	54.99	45.68%	
GAS	94.60	GIẢM	GIẢM		98.36				105.96		
GEX	19.30	GIẢM	GIẢM		20.08				21.00		
GVR	11.30	GIẢM	N/A		11.38				N/A		
HDB	27.80	TĂNG	GIẢM	27.55	26.12	0.91%			29.49		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.82		
HPG	24.00	TĂNG	TĂNG	24.00	23.87	0.00%	MUA	23.85	22.11	0.63%	
HVN	34.30	GIẢM	GIẢM		34.73				36.93		
KDH	26.50	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	10.42%	
MBB	21.20	GIẢM	GIẢM		21.54				23.04		
MSN	57.00	GIẢM	GIẢM		57.22				64.60		
MWG	117.00	TĂNG	GIẢM	113.40	110.74	3.17%			122.49		
NVL	57.50	TĂNG	GIẢM	57.90	56.33	-0.69%			60.29		
OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.75				10.36		
PLX	56.50	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	87.40	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	3.19%		77.07	78.71	13.40%	
POW	11.90	GIẢM	GIẢM		12.03				13.71		

We Create Fortune

QNS	27.00	GIẢM	GIẢM		28.39			33.26	28.38	-14.67%	
REE	36.95	TĂNG	TĂNG	36.95	36.82	0.00%	MUA	33.33	35.23	10.88%	
ROS	16.10	GIẢM	GIẢM		19.13				26.17		
SBT	18.60	TĂNG	TĂNG	18.60	18.58	0.00%	MUA	17.50	17.46	6.29%	
SSI	18.40	GIẢM	GIẢM		18.75				20.66		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.80	TĂNG	GIẢM	23.45	22.86	1.49%			24.80		
TPB	21.30	GIẢM	GIẢM		21.51				23.94		
VCB	90.80	TĂNG	TĂNG	87.50	87.37	3.77%		62.00	84.02	46.45%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	26.40	-1.85%		18.44	25.47	43.70%	
VCS	71.50	GIẢM	GIẢM		74.17				91.56		
VEA	45.50	TĂNG	GIẢM	45.50	45.35	0.00%	MUA		59.45		
VGI	25.30	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-5.60%			N/A		
VHM	84.90	GIẢM	GIẢM		86.95				94.97		
VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	1.15%		15.00	16.56	17.30%	
VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		117.16			112.00	113.76	2.68%	
VJC	148.00	TĂNG	TĂNG	144.40	143.49	2.49%		124.50	138.01	18.88%	
VNM	117.90	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	20.55	TĂNG	GIẢM	20.00	19.26	2.75%			21.30		
VRE	34.35	TĂNG	TĂNG	34.50	32.73	-0.43%		35.05	32.08	-2.00%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.75	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ANV	22.90	TĂNG	GIẢM	22.80	21.63	0.44%			25.57		
ASM	6.68	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BMI	25.15	GIẢM	TĂNG		25.42			26.70	23.99	-5.81%	
BMP	45.15	GIẢM	GIẢM		47.58			48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BWE	22.95	GIẢM	GIẢM		23.74				25.84		
CEO	9.40	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	1.08%			9.80		
CII	22.60	GIẢM	TĂNG		23.01			24.45	22.23	-7.57%	BÁN
CRE	24.60	TĂNG	GIẢM	24.20	24.05	1.65%			24.70		
CTI	23.20	TĂNG	GIẢM	21.80	20.98	6.42%			24.05		
CTR	40.00	GIẢM	GIẢM		43.08				50.54		
D2D	78.90	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-5.05%	
DBD	55.50	GIẢM	TĂNG		57.17			38.65	54.36	43.59%	



We Create Fortune

DCM	6.51	GIẢM	GIẢM		6.70				7.15		
DGW	23.20	TĂNG	GIẢM	23.25	21.60	-0.22%			25.77		
DHC	37.90	GIẢM	TĂNG		39.65			37.70	36.02	0.53%	
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-1.43%			14.69		
DPG	40.70	GIẢM	GIẢM		43.55				49.82		
DPM	12.95	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DRC	24.10	TĂNG	TĂNG	24.10	23.57	0.00%	MUA	21.60	21.25	11.57%	
DXG	14.30	TĂNG	GIẢM	14.60	13.88	-2.05%			16.12		
E1VFN30	14.78	TĂNG	GIẢM	14.76	14.34	0.14%			15.42		
FCN	10.10	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.72	TĂNG	TĂNG	4.61	4.56	2.39%		4.63	4.02	1.94%	
GEG	26.10	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	108.76%	
GMD	23.20	GIẢM	GIẢM	23.60	23.27	-1.41%	BÁN		25.29		
GTN	19.40	GIẢM	GIẢM		20.24			15.00	19.49	29.94%	BÁN
HAG	4.05	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	4.92%			4.22		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	6.54%			12.34		
HCM	21.50	GIẢM	GIẢM		21.89				24.43		
HDC	24.50	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	6.06%		15.25	20.25	60.66%	
HDG	30.00	GIẢM	GIẢM		31.13				34.59		
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.18%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.19	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	5.68%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-12.43%	
HTM	17.40	TĂNG	GIẢM	16.00	16.56	8.75%			18.47		
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.60				21.22		
IDI	5.20	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-4.59%			5.89		
IJC	16.50	TĂNG	TĂNG	14.65	15.37	12.63%		13.10	12.68	25.95%	
ITA	2.80	TĂNG	GIẢM	2.87	2.65	-2.44%			3.09		
KBC	15.20	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	-0.33%		14.85	14.00	2.38%	
KDC	19.60	TĂNG	TĂNG	19.50	18.14	0.51%		20.82	18.08	-5.84%	
KOS	27.90	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.10%		26.30	25.20	6.08%	
KSB	16.85	GIẢM	GIẢM		18.25				19.42		
LDG	8.85	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%			8.05		
MBG	20.30	GIẢM	GIẢM		28.19				39.37		
MBS	14.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	0.00%			15.75		
MPC	22.70	TĂNG	GIẢM	20.10	19.98	12.94%			23.55		
NBB	20.25	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	7.38	TĂNG	TĂNG	7.38	7.04	0.00%		7.11	6.07	3.80%	

We Create Fortune

NLG	27.50	TĂNG	TĂNG	27.35	26.78	0.55%		26.28	26.30	4.64%	
NT2	21.75	GIẢM	GIẢM		22.11				23.68		
NTL	23.75	TĂNG	GIẢM	24.40	22.85	-2.66%		24.20	23.88	-1.33%	MUA
NVB	9.20	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	21.05%		8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.51	GIẢM	GIẢM		3.70				4.07		
PC1	17.85	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.45	25.32	-1.32%		23.59	25.19	10.62%	
PHR	38.75	GIẢM	GIẢM		42.14				55.36		
PPC	26.85	TĂNG	TĂNG	28.30	26.31	-5.12%		28.40	24.39	-5.46%	
PTB	71.00	GIẢM	TĂNG		72.20			60.78	68.51	16.81%	
PVD	15.05	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.56				33.64		
PVS	17.60	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.12%			19.30		
PVT	16.70	GIẢM	TĂNG		16.94			17.31	16.28	-3.50%	
QCG	3.99	GIẢM	GIẢM		4.22				4.80		
SCR	5.92	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	-0.17%		6.33	5.21	-6.48%	
SGP	7.10	GIẢM	GIẢM		7.38				9.24		
SHB	6.70	TĂNG	GIẢM	6.40	6.09	4.69%			6.72		
SHS	7.80	GIẢM	TĂNG		7.96			8.40	7.36	-7.14%	
SZC	18.00	TĂNG	GIẢM	17.85	16.93	0.84%			19.60		
TCH	33.30	TĂNG	TĂNG	30.05	30.63	10.82%		26.15	25.36	27.34%	
TCM	19.20	GIẢM	GIẢM		19.64				22.18		
TDH	10.10	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TNG	15.00	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	-0.66%			16.69		
TTB	4.14	GIẢM	GIẢM		4.78				7.60		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.34		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM	8.90	7.93	-3.37%			8.95		
VHC	38.90	GIẢM	GIẢM		40.07				83.84		
VND	14.45	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.48%			14.88		
VNG	19.95	TĂNG	GIẢM	20.00	18.92	-0.25%			21.64		
VPI	42.20	TĂNG	TĂNG	42.45	41.09	-0.59%		41.30	39.68	2.18%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.60	TĂNG	GIẢM	8.30	8.00	3.61%			8.97		
AGR	3.51	TĂNG	GIẢM	3.59	3.27	-2.23%			4.02		

We Create Fortune

AMD	2.09	GIẢM	GIẢM		2.34			1.70	2.17	27.40%	BÁN
APG	9.90	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	13.01%		9.90	8.56	0.00%	
ART	2.60	GIẢM	TĂNG		2.86			2.30	2.09	13.04%	
BCG	7.72	GIẢM	TĂNG		8.36			6.39	7.47	20.81%	
C4G	6.10	TĂNG	GIẢM	6.30	5.92	-3.17%			6.98		
C69	7.10	GIẢM	GIẢM		9.74				15.84		
CCL	7.95	TĂNG	TĂNG	6.80	7.49	16.91%		7.88	5.66	0.89%	
CVT	20.85	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DAH	9.29	GIẢM	GIẢM		10.46				11.27		
DLG	2.04	TĂNG	TĂNG	1.80	1.84	13.33%		1.71	1.40	19.30%	
DRH	3.71	GIẢM	GIẢM		4.59				5.83		
DTD	10.70	TĂNG	GIẢM	11.10	10.41	-3.60%			12.54		
EVG	2.51	GIẢM	GIẢM		2.72				2.90		
FIT	9.83	TĂNG	TĂNG	4.49	9.43	118.93%		3.64	7.29	170.05%	
FTM	2.07	GIẢM	GIẢM		2.18				4.30		
FUES SV50	12.75	TĂNG	GIẢM	12.75	12.66	0.00%	MUA		13.11		
GKM	15.30	TĂNG	TĂNG	15.00	14.68	2.00%		14.90	13.99	2.68%	
HAH	11.90	GIẢM	GIẢM		12.24				13.63		
HAI	3.01	GIẢM	GIẢM		3.50			1.88	3.16	68.18%	
HAR	3.95	GIẢM	TĂNG		4.38			3.90	3.89	1.28%	BÁN
HDA	10.20	GIẢM	GIẢM		10.69				11.53		
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.66	-1.64%			13.13		
HHS	3.22	GIẢM	TĂNG		3.37			3.36	2.97	-4.17%	
HID	2.41	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	2.12%		2.63	2.16	-8.37%	
HII	9.66	GIẢM	GIẢM		9.99				11.16		
HQC	1.15	GIẢM	TĂNG		1.22			1.16	0.94	-0.86%	
HSL	7.54	GIẢM	GIẢM		7.89				8.77		
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.57				2.71		
HVG	8.51	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	8.82%		3.90	6.94	118.21%	
HVH	14.25	GIẢM	GIẢM		16.48				19.76		
IDJ	6.10	GIẢM	TĂNG		6.44			7.20	5.42	-15.28%	
JVC	3.37	GIẢM	GIẢM		3.72				4.46		
KLF	1.60	TĂNG	TĂNG	1.40	1.60	14.29%		1.50	1.31	6.67%	
LCG	8.15	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-4.57%			8.76		
LGL	8.23	GIẢM	GIẢM		8.25				9.42		
LHG	16.45	TĂNG	GIẢM	16.45	15.65	0.00%	MUA		16.89		
LMH	7.94	GIẢM	GIẢM		9.64				13.67		
MST	5.30	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	55.88%	



We Create Fortune

NDN	17.80	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	2.30%		13.10	16.27	35.83%	
PHC	11.30	TĂNG	GIẢM	11.30	10.75	0.00%			11.99		
PLP	9.60	GIẢM	GIẢM		10.10				11.39		
PVB	18.30	GIẢM	GIẢM		18.85				20.71		
PVC	6.70	GIẢM	TĂNG		6.94			6.70	6.66	0.00%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.34				1.46		
PXL	8.40	TĂNG	TĂNG	8.40	8.17	0.00%	MUA	6.70	6.64	25.37%	
SHI	8.75	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	51.77%	
SJF	2.15	GIẢM	GIẢM		2.31				2.74		
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.20				2.60		
TDC	8.41	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-3.89%			9.04		
TIG	6.60	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.49	106.25%	
TLH	4.46	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	9.85%		4.48	3.63	-0.45%	
TNA	22.20	GIẢM	GIẢM		22.68			11.45	22.98	100.72%	BÁN
TNI	10.50	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-3.67%	
TSC	2.97	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	0.68%			3.45		
TTF	2.66	TĂNG	GIẢM	2.74	2.60	-2.92%			3.03		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.73				3.02		
TVC	17.50	TĂNG	TĂNG	16.90	17.16	3.55%		14.30	15.13	22.38%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.11			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	11.80	GIẢM	GIẢM		12.98				18.53		
VNA	3.10	TĂNG	GIẢM	3.50	2.94	-11.43%			4.40		
VNE	3.60	GIẢM	GIẢM		3.81				3.70		
VRC	15.60	GIẢM	GIẢM		18.68			17.30	21.51	24.32%	BÁN

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	966.67	0.59%	HNI	102.99	0.47%	UPCoM	56.65	0.16%
VN30	886.88	0.89%	HN30	180.77	0.84%			
VN Mid	931.18	0.25%	VNX	851.46	0.70%			
VN Small	781.32	0.09%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	163.56		Mua	1.43		Mua	13.11	
Bán	195.02		Bán	1.52		Bán	12.54	
GT ròng	-31.46		GT ròng	-0.09		GT ròng	0.57	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NKG	480	6.96%	TIG	200	3.13%	GVR	700	6.60%
LHG	1050	6.82%	SHB	200	3.08%	PXL	500	6.33%
DLG	130	6.81%	MBS	300	2.08%	MPC	1200	5.58%
HAI	190	6.74%	AMV	500	2.04%	HTM	500	2.96%
HBC	700	6.54%	VCS	1400	2.00%	BSR	100	1.23%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	-1200	-6.94%	NVB	-200	-2.13%	LPB	-400	-5.00%
THI	-2000	-6.90%	TAR	-400	-1.41%	ACV	-2900	-3.77%
NVL	-2000	-3.36%	MBG	-200	-0.98%	QNS	-400	-1.46%
GEG	-900	-3.33%	TVC	-100	-0.57%	ADG	-500	-0.55%
ITA	-80	-2.78%	CEO	0	0.00%	SIP	-200	-0.21%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,386		ACB	38,100		ACV	160,630	
VCB	336,766		VCG	11,705		VEA	60,320	
VHM	279,280		VCS	11,440		MCH	51,020	
VNM	205,308		PVS	8,412		GVR	44,588	
BID	188,633		SHB	8,061		BCM	30,691	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	63,740,830	28,483,635	SHB	5,266,185	2,518,228	HCI	1,417,096	132
DLG	6,255,170	8,253,011	VIX	2,438,855	28,653	BSR	1,232,420	1,334,778
GEX	5,746,750	616,784	NVB	1,933,112	1,485,823	GVR	763,775	468,903
FLC	5,555,680	9,680,418	ART	1,699,845	2,776,780	PXL	550,006	280,393
CTG	4,347,610	2,329,190	VC3	1,607,105	194,857	LPB	416,346	344,977

Nguồn: Bloomberg & YSVN

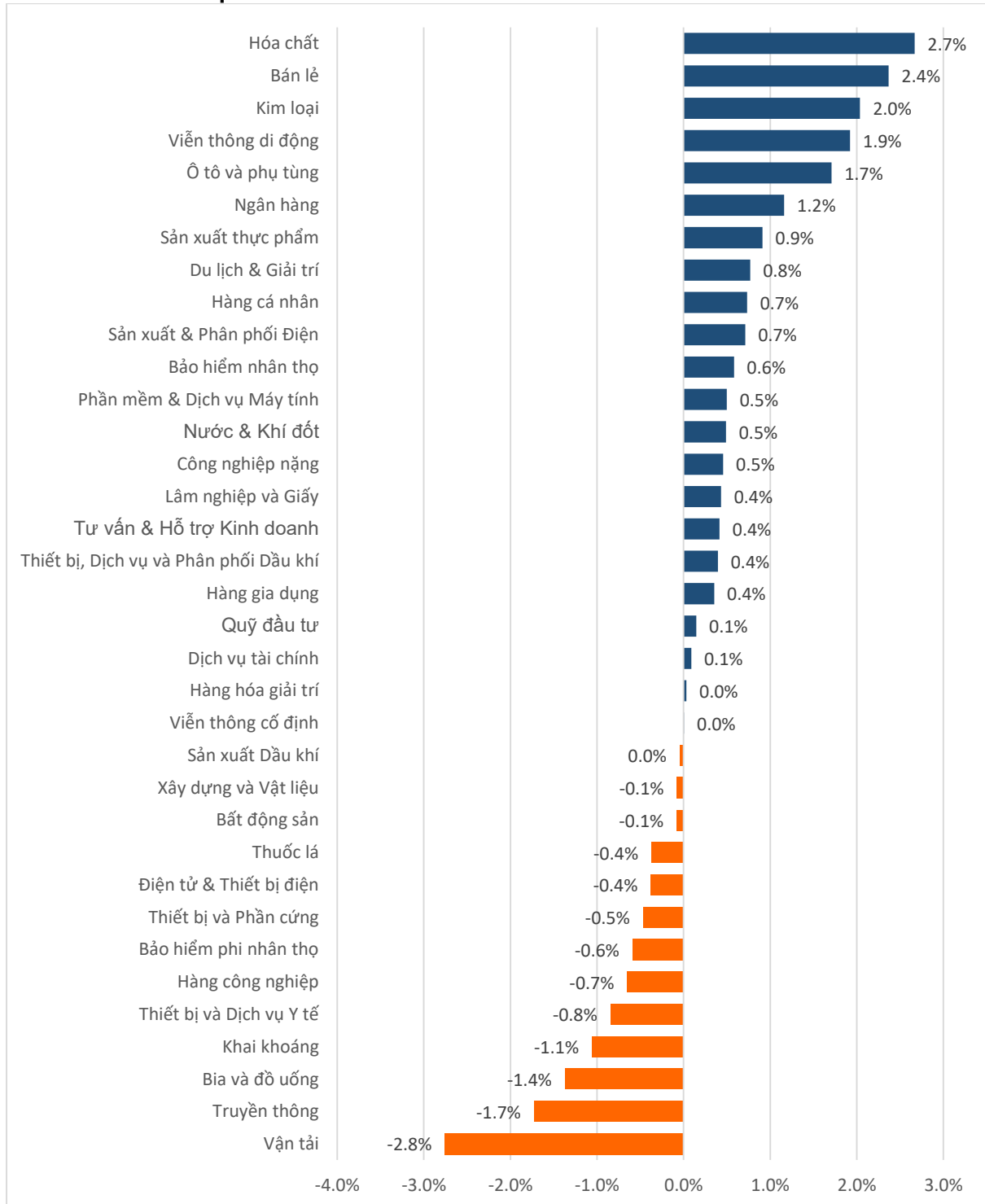
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



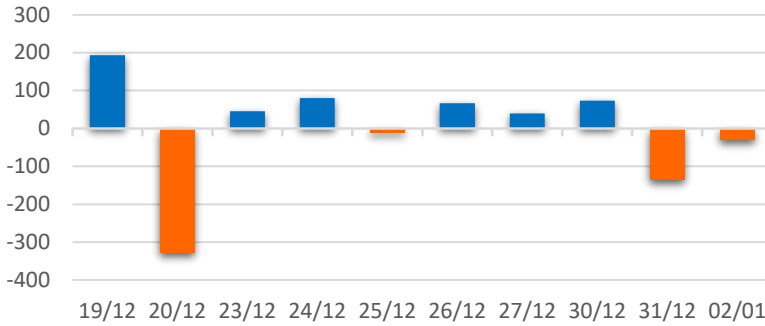
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

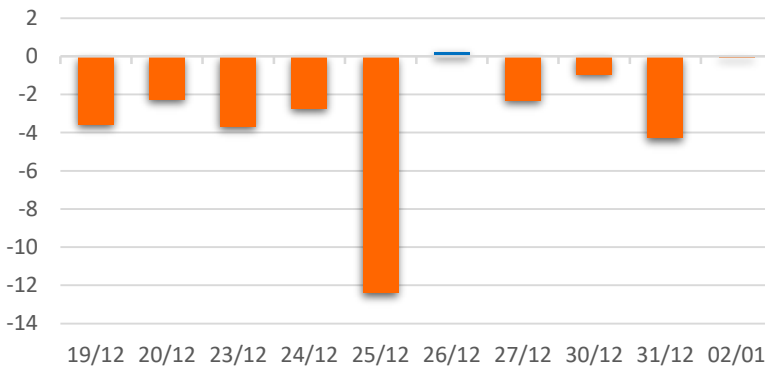
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	13,838	HDB	40,249
E1VFN30	7,498	VIC	14,984
MSN	6,692	BID	8,585
VNM	6,126	VCB	4,676
GEG	4,821	NVL	4,191

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

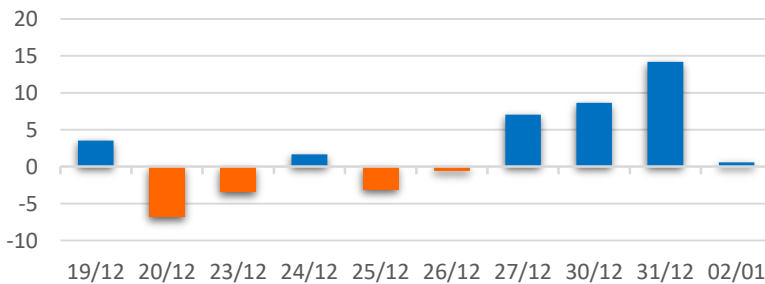
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	406	HUT	360
HAD	152	TIG	296
LAS	126	NTP	292
SHS	111	SRA	270
HDA	110	MST	125

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	4,619	BSR	4,929
ACV	3,345	MPC	1,558
VEA	799	VLC	1,008
CTR	150	NHT	19
GVR	126	CEC	1

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



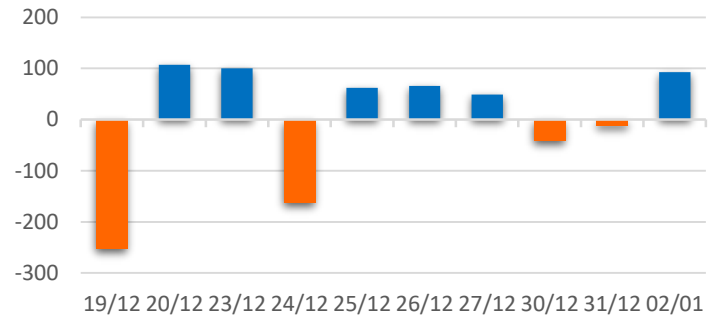
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

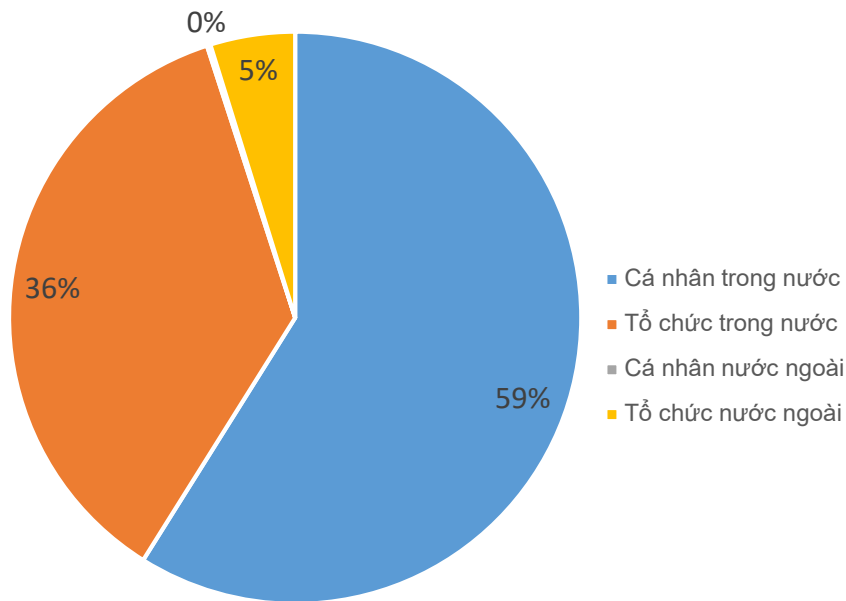
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GEX	106,150	DAH	16,434
MWG	7,179	PNJ	11,164
VNM	5,584	DSN	10,261
FPT	4,227	FPT	9,748
REE	2,530	E1VFN30	7,564

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

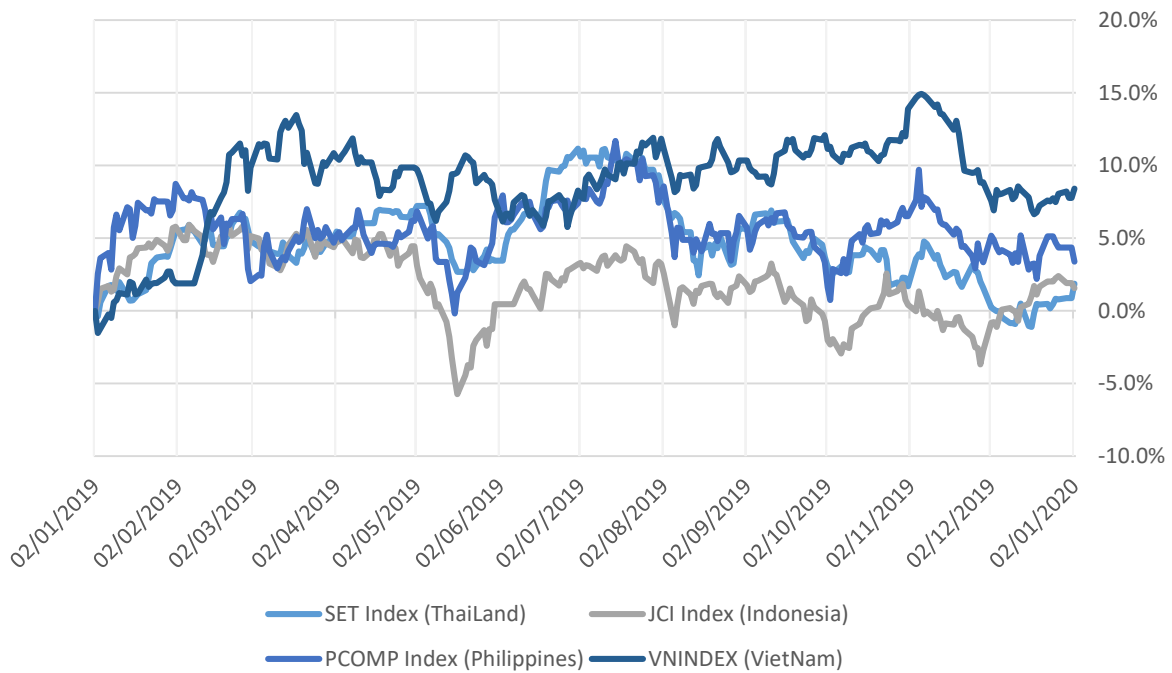


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

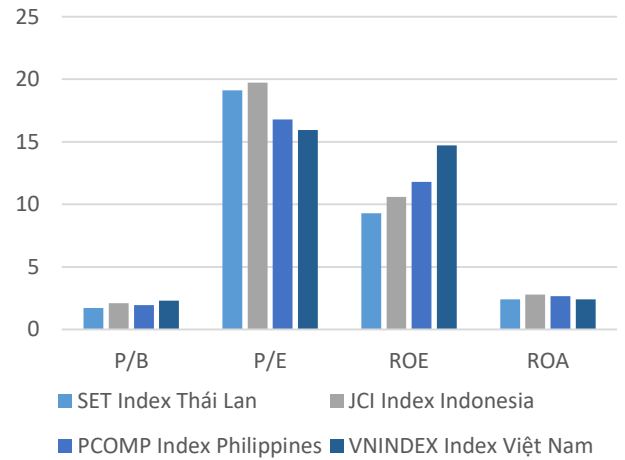
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	1.9x	2.3x
P/E		19.1x	19.7x	16.8x	15.9x
ROE	%	9.28	10.60	11.79	14.71
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	554.63	524.63	192.85	141.54
GTGD	Triệu USD	0.81	0.35	0.09	0.10
LS cổ tức	%	3.23	2.41	1.62	2.03

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qué**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written